

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

Số: **04** /2013/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sóc Trăng, ngày 25 tháng 02 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 129/2010/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải đường bộ và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 24/2010/TT-BGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn Quy định về bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.
2. Áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân có hoạt động liên quan đến dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô từ loại 1 đến loại 4

TT	Số ghế của xe	Đơn vị tính	Xe hoạt động trên tuyến có cự ly dưới 100 km	Xe hoạt động trên tuyến có cự ly từ 100 km trở lên
1	Xe từ 10 - 15 ghế	đồng/chuyến-xe	26.500	36.000
2	Xe trên 15 - 25 ghế	đồng/chuyến-xe	44.000	60.000
3	Xe trên 25 - 30 ghế	đồng/chuyến-xe	53.000	69.500
4	Xe trên 30 - 34 ghế	đồng/chuyến-xe	61.000	82.000
5	Xe trên 34 - 42 ghế	đồng/chuyến-xe	76.000	101.000

6	Xe trên 42 - 46 ghế	đồng/chuyến-xe	82.000	106.000
7	Xe trên 46 - dưới 50 ghế	đồng/chuyến-xe	85.000	115.000
8	Xe từ 50 ghế trở lên	đồng/chuyến-xe	90.000	123.000

(Bến xe được phân loại theo các tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 24/2010/TT-BGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải).

Điều 3. Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục Kiểm tra VB QPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ Giao thông vận tải;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Sóc Trăng;
- Lưu: TH, KT, VX, XD, NC, NV, KS, HC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thành Nghiệp

TT	Số ghế trên xe	Đơn vị tính	Xe hoạt động trên tuyến có cự ly dưới 100 km	Xe hoạt động trên tuyến có cự ly từ 100 km trở lên
1	Xe từ 10 - 15 ghế	đồng/chuyến-xe	35.500	35.000
2	Xe trên 15 - 25 ghế	đồng/chuyến-xe	44.000	40.000
3	Xe trên 25 - 30 ghế	đồng/chuyến-xe	53.000	49.500
4	Xe trên 30 - 34 ghế	đồng/chuyến-xe	61.000	57.000
5	Xe trên 34 - 42 ghế	đồng/chuyến-xe	70.000	65.000